



wàn zhàng

万丈

num.-m. · lofty, bottomless

Example Sentences

wàn zhàng gāo lóu zài yáng guāng xià xiǎn de gé wài xióng wěi
万丈高楼在阳光下显得格外雄伟。

The lofty building looks especially majestic in the sunlight.

zhè zuò shān gāo wàn zhàng lìng rén wàng ér shēng wèi
这座山高万丈，令人望而生畏。

The mountain rises so high that it inspires awe.

Trace each character, then write the word on your own.

万万万万万

丈丈丈丈丈